

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TỈNH BÌNH DƯƠNG** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 21 /2012/NQ-HĐND8

Thủ Dầu Một, ngày 03 tháng 10 năm 2012

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc quy định nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường  
trên địa bàn tỉnh Bình Dương**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**  
**KHÓA VIII - KỶ HỌP THỨ 5**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 81/2007/NĐ-CP ngày 23 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ quy định tổ chức, bộ phận chuyên môn về bảo vệ môi trường tại cơ quan nhà nước và doanh nghiệp nhà nước;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2008/TTLT-BTNMT-BTC ngày 29 tháng 4 năm 2008 của liên Bộ Tài nguyên - Môi trường và Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán công tác bảo vệ môi trường thuộc nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 45/2010/TTLT-BTC-BTNMT ngày 30 tháng 3 năm 2010 của liên Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên - Môi trường hướng dẫn việc quản lý kinh phí sự nghiệp môi trường;

Sau khi xem xét Tờ trình số 2535/TTr-UBND ngày 05 tháng 9 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về quy định nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Dương; Báo cáo thẩm tra số 17/BC-HĐND ngày 14 tháng 9 năm 2012 của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Phê chuẩn quy định nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Dương (phụ lục kèm theo).

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định thực hiện Nghị quyết này.

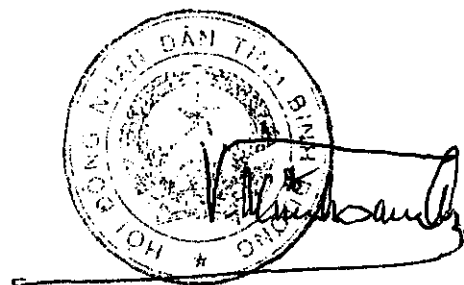
**Điều 3.** Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương khóa VIII, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 28 tháng 9 năm 2012 và có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày thông qua.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL – Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- LĐVP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH-HĐND, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm Công báo tỉnh, Website Bình Dương;
- Chuyên viên VP: Đoàn ĐBQH-HĐND, UBND tỉnh;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**



**Vũ Minh Sang**

## Phụ lục

# QUY ĐỊNH NHIỆM VỤ CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH DƯƠNG

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 21 /2012/NQ-HĐND8  
ngày 07 tháng 10 năm 2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương)

## I. NHIỆM VỤ CHI CỦA NGÂN SÁCH CẤP TỈNH

1. Đảm bảo hoạt động của hệ thống quan trắc và phân tích môi trường do Sở Tài nguyên và Môi trường quản lý; thực hiện các chương trình quan trắc hiện trạng môi trường, các tác động đối với môi trường; vận hành, bảo dưỡng, bảo trì, thay thế thiết bị của hệ thống quan trắc và giám sát nước thải tự động.

2. Hỗ trợ các nhiệm vụ bảo vệ môi trường theo dự án được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, bao gồm các nội dung: xây dựng dự án, điều tra khảo sát, đánh giá tình hình ô nhiễm, thực hiện xử lý ô nhiễm môi trường, mua bản quyền công nghệ xử lý nước thải (nếu có), trang bị cơ sở vật chất, kiểm tra, nghiệm thu dự án:

a) Dự án xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng thuộc khu vực công ích do các cơ quan cấp tỉnh quản lý (đối với dự án có tính chất chi sự nghiệp bố trí từ nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường).

b) Dự án xử lý chất thải cho một số bệnh viện, cơ sở y tế, trường học, công viên, công trình công cộng và các cơ sở giam giữ của nhà nước do các cơ quan cấp tỉnh quản lý không có nguồn thu hoặc nguồn thu thấp.

c) Dự án mua sắm các trang thiết bị phục vụ quan trắc và phân tích môi trường.

d) Các dự án, đề án về bảo vệ môi trường khác theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Chi hỗ trợ di dời cho các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nằm trong khu dân cư, khu đô thị.

4. Quản lý các công trình vệ sinh công cộng do các cơ quan cấp tỉnh quản lý; hỗ trợ mua sắm trang thiết bị trạm trung chuyển, phương tiện thu gom, vận chuyển, thùng chứa rác thải sinh hoạt và vệ sinh môi trường ở khu dân cư, nơi công cộng.

5. Hỗ trợ vệ sinh, nạo vét khai thông kênh mương, cống rãnh thoát nước; vận hành, bảo dưỡng hệ thống thu gom, xử lý nước thải đô thị, khu dân cư do các cơ quan cấp tỉnh quản lý; bảo dưỡng hệ thống thoát nước ngoài hàng rào khu công nghiệp.

6. Hỗ trợ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải; xử lý nước thải của các cơ sở y tế công lập do các cơ quan cấp tỉnh quản lý.

7. Thực hiện phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường của tỉnh, bao gồm hỗ trợ trang thiết bị và hoạt động về ứng cứu các sự cố môi trường; hỗ trợ xử lý môi trường sau sự cố môi trường.

8. Quản lý khu bảo tồn thiên nhiên, quản lý cơ sở chăm sóc, nuôi dưỡng, nhân giống một số loài động thực vật quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng do tỉnh quản lý.

9. Xây dựng và duy trì hoạt động hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về môi trường; hệ thống thông tin cảnh báo môi trường cộng đồng.

10. Báo cáo môi trường định kỳ và đột xuất; thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược của tỉnh.

11. Xây dựng và ban hành tiêu chuẩn, quy trình kỹ thuật, định mức kinh tế kỹ thuật, quy trình kỹ thuật về bảo vệ môi trường; xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch về bảo vệ môi trường.

12. Hoạt động nghiệp vụ thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.

13. Tuyên truyền, truyền thông, phổ biến, giáo dục pháp luật về môi trường.

14. Tập huấn, hội thảo, đào tạo nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ và nhận thức về bảo vệ môi trường cho cán bộ làm công tác môi trường các cấp và doanh nghiệp.

15. Chi giải thưởng, khen thưởng về bảo vệ môi trường cho các tổ chức, cá nhân có thành tích đóng góp trong nhiệm vụ bảo vệ môi trường theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

16. Hoạt động của Ban chỉ đạo, Ban điều hành, Văn phòng thường trực về bảo vệ môi trường được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định; vốn đối ứng các dự án hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường.

17. Bổ sung nguồn vốn hoạt động cho Quỹ Bảo vệ môi trường của tỉnh.

18. Các hoạt động khác có liên quan đến nhiệm vụ bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

## **II. NHIỆM VỤ CHI CỦA NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN**

1. Thực hiện các chương trình quan trắc hiện trạng môi trường, các tác động đối với môi trường trên địa bàn cấp huyện; lập báo cáo môi trường định kỳ và đột xuất.

2. Hỗ trợ các nhiệm vụ bảo vệ môi trường theo dự án được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt, bao gồm các nội dung: xây dựng dự án, điều tra khảo sát, đánh giá tình hình ô nhiễm, thực hiện xử lý ô nhiễm môi trường, mua bản quyền công nghệ xử lý nước thải (nếu có), trang bị cơ sở vật chất, kiểm tra, nghiệm thu dự án:

a) Dự án xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng thuộc khu vực công ích do các cơ quan cấp huyện quản lý (đối với dự án có tính chất chi sự nghiệp bố trí từ nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường);

b) Dự án xử lý chất thải cho một số bệnh viện, cơ sở y tế, trường học, công viên, công trình công cộng và các cơ sở giam giữ của nhà nước do các cơ quan cấp huyện quản lý không có nguồn thu hoặc nguồn thu thấp;

c) Các dự án, đề án về bảo vệ môi trường khác theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

3. Quản lý các công trình vệ sinh công cộng do các cơ quan cấp huyện quản lý; hỗ trợ mua sắm trang thiết bị trạm trung chuyển, phương tiện thu gom, vận chuyển, thùng chứa rác thải sinh hoạt và vệ sinh môi trường ở khu dân cư, nơi công cộng.

4. Hỗ trợ vệ sinh, nạo vét khai thông kênh mương, cống rãnh thoát nước; vận hành, bảo dưỡng hệ thống thu gom, xử lý nước thải khu dân cư do các cơ quan cấp huyện quản lý.

5. Hỗ trợ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải; xử lý nước thải của các cơ sở y tế công lập do các cơ quan cấp huyện quản lý.

6. Thực hiện phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường địa phương, bao gồm hỗ trợ trang thiết bị và hoạt động về ứng cứu các sự cố môi trường; hỗ trợ xử lý môi trường sau sự cố môi trường.

7. Xây dựng và duy trì hoạt động hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về môi trường; hệ thống thông tin cảnh báo môi trường cộng đồng.

8. Xây dựng kế hoạch về bảo vệ môi trường.

9. Hoạt động nghiệp vụ thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn cấp huyện.

10. Tuyên truyền, truyền thông, phổ biến, giáo dục pháp luật về môi trường.

11. Tập huấn, hội thảo, đào tạo nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ và nhận thức về bảo vệ môi trường cho cán bộ làm công tác môi trường cấp xã và doanh nghiệp.

12. Chi giải thưởng, khen thưởng về bảo vệ môi trường cho các tổ chức, cá nhân có thành tích đóng góp trong nhiệm vụ bảo vệ môi trường theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

13. Hợp đồng lao động để hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường ở cấp huyện theo quy định tại khoản 3, Điều 7 Nghị định số 81/2007/NĐ-CP ngày 23/5/2007 của Chính phủ quy định tổ chức, bộ phận chuyên môn về bảo vệ môi trường tại cơ quan nhà nước và doanh nghiệp nhà nước.

14. Hoạt động của Ban chỉ đạo, Ban điều hành, Văn phòng thường trực về bảo vệ môi trường được Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định.

15. Hoạt động điều tra, khảo sát thực địa, kiểm tra, xác nhận bản cam kết bảo vệ môi trường, đề án bảo vệ môi trường.

16. Các hoạt động khác có liên quan đến nhiệm vụ bảo vệ môi trường trên địa bàn theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

### **III. NHIỆM VỤ CHI CỦA NGÂN SÁCH CẤP XÃ**

1. Chi tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường cho các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn cấp xã.

2. Chi công tác thanh kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn.

3. Chỉ các hoạt động tổ chức tự quản về giữ gìn vệ sinh môi trường.
4. Chỉ hỗ trợ thu gom, vận chuyển, xử lý giảm thiểu, tái chế chất thải.
5. Chỉ quản lý các công trình vệ sinh công cộng; hỗ trợ trang bị thiết bị, phương tiện thu gom rác thải sinh hoạt, vệ sinh môi trường ở khu dân cư, nơi công cộng.
6. Kiểm tra, xác nhận bản cam kết bảo vệ môi trường, đề án bảo vệ môi trường khi được Ủy ban nhân dân cấp huyện ủy quyền.
7. Hỗ trợ vệ sinh, nạo vét khai thông kênh mương, cống rãnh thoát nước; vận hành, bảo dưỡng hệ thống thu gom, xử lý nước thải khu dân cư do cấp xã quản lý.
8. Thực hiện các Chương trình liên tịch về bảo vệ môi trường giữa ngành Tài nguyên và Môi trường với các Hội, đoàn thể do cấp xã tiến hành.
9. Hợp đồng lao động để hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường ở cấp xã theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 81/2007/NĐ-CP ngày 23/5/2007 của Chính phủ quy định tổ chức, bộ phận chuyên môn về bảo vệ môi trường tại cơ quan nhà nước và doanh nghiệp nhà nước.
10. Các hoạt động khác có liên quan đến nhiệm vụ bảo vệ môi trường trên địa bàn theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã./.